

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực: Lâm nghiệp; Kiểm lâm; Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐCP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-BNNMT ngày 02 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 04/QĐ-BNNMT ngày 05 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 20/TTr-SNNMT ngày 08 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 02 thủ tục hành chính ban hành mới; 10 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; 02 thủ tục hành chính bị bãi

bỏ trong lĩnh vực: Lâm nghiệp; Kiểm lâm; Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường theo Quyết định số 01/QĐ-BNNMT ngày 02 tháng 01 năm 2025 và Quyết định số 04/QĐ-BNNMT ngày 05 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thiết lập cấu hình cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT Gia Lai;
- Lưu: VT, NNMT, PVHCC. *ph*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

**DANH MỤC 02 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI; 10 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI,
BỔ SUNG VÀ 02 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BỎ BỎ TRONG CÁC LĨNH VỰC: LÂM NGHIỆP;
KIỂM LÂM; BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: _____ /QĐ-UBND ngày _____ tháng _____ năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (14 TTHC)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI (02 TTHC)

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
I. Thủ tục hành chính công bố tại Quyết định số 01/QĐ-BNNMT ngày 02/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường									
Lĩnh vực Lâm nghiệp (01 TTHC)									
1	Cấp, cấp lại mã số rừng sản xuất là rừng trồng 1.014605.H21	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	Có	Một phần	-	Điều 14 Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	-	x
II. Thủ tục hành chính công bố tại Quyết định số 04/QĐ-BNNMT ngày 05/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường									
Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học (01 TTHC)									
1	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận	27 ngày làm việc kể từ	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công	Có	Một phần	-	- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12;	Có	x

[illegible]

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (10 TTHC)

STT	Tên TTHC /Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
I. Thủ tục hành chính công bố tại Quyết định số 01/QĐ-BNNMT ngày 02/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường										
Lĩnh vực Lâm nghiệp (03 TTHC)										

STT	Tên TTHC /Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
1	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp 3.000198.H21	14 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	Tiếp nhận và trả kết quả	Một phần	- Tên TTHC; - Mẫu đơn, tờ khai; - Thời gian giải quyết TTHC; - Căn cứ pháp lý	1. Mức thu: - Công nhận lâm phần tuyển chọn: 600.000 đồng/lô giống; - Công nhận vườn giống: 2.400.000 đồng/vườn giống - Bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống: Mức thu phí thu theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết 09/2025/NQ- HĐND ngày 27/10/2025: + Bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng: 1.400.000 đồng/01 cây,	Khoản 7 Điều 6 Thông tư số 84/2025/TT- BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	-	

STT	Tên TTHC /Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
							giống. + Bình tuyển, công nhận vườn cây đầu dòng: 2.400.000 đồng/ 01 vườn. + Bình tuyển, công nhận vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống: 3.500.000 đồng/01 vườn giống, rừng giống 2. Thời điểm thu phí: tại thời điểm nhận kết quả.			
2	Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp 3.000179.H21	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.	Có	Một phần	- Thành phần hồ sơ; - Mẫu đơn, tờ khai; - Cơ quan có thẩm	-	Điều 9 Thông tư số 84/2025/TT- BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp	-	x

STT	Tên TTHC /Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
			- Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.			quyền quyết định; - Căn cứ pháp lý		và Môi trường		
3	Nộp tiền trồng rừng thay thế 1.007916.H21	- <i>Đối với trường hợp nộp tiền trồng rừng thay thế tại địa phương nơi thực hiện dự án:</i> 18 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ; - <i>Đối với trường hợp bố trí thực hiện trồng rừng thay thế tại địa phương</i>	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	Tiếp nhận và trả kết quả	Một phần	- Tên TTHC; - Trình tự thực hiện; - Thời gian giải quyết TTHC; - Mẫu đơn, tờ khai; - Căn cứ pháp lý	-	- Thông tư 16/2025/TT- BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Điều 11 Thông tư số 84/2025/TT- BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp	Cấp tỉnh	x

STT	Tên TTHC /Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
		<i>khác:</i> 27 ngày làm việc.						và Môi trường.		
Lĩnh vực Kiểm lâm (01 TTHC)										
4	Xác nhận bảng kê lâm sản 1.000045.H21	- Trường hợp không phải xác minh: trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cần xác minh nguồn gốc lâm sản: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	Có	Toàn trình	- Thành phần hồ sơ; - Mẫu đơn, tờ khai; - Căn cứ pháp lý	-	Điều 5 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	-	x

STT	Tên TTHC /Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
		<i>hợp cần xác minh nguồn gốc lâm sản mà có nhiều nội dung phức tạp:</i> trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.								

II. Thủ tục hành chính công bố tại Quyết định số 04/QĐ-BNNMT ngày 05/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Lĩnh vực Kiểm lâm (02 TTHC)

1	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES 1.004819.H21	- Trường hợp 1: 03 ngày làm việc; - Trường hợp 2: Cần kiểm tra thực tế: 15 ngày làm việc; - Trường	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ	Có	Một phần	- Tên TTHC; - Trình tự thực hiện; - Thời gian thực hiện TTHC; - Mẫu đơn, tờ	-	- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH 14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH 15, Luật số 31/2024/QH 15 và Luật số	-	x
---	---	---	---	----	-------------	---	---	---	---	---

STT	Tên TTHC /Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
		hợp 3: + Cần tham vấn Cơ quan khoa học CITES Việt Nam: 10 ngày làm việc; + Cần tham vấn Cơ quan khoa học CITES Việt Nam đồng thời cần kiểm tra thực tế: 15 ngày làm việc; - Trường hợp 4: Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục I CITES	công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.			khai; - Căn cứ pháp lý		146/2025/QH15. - Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ; - Điều 26 Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.		

STT	Tên TTHC /Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
		đề xuất khẩu vì mục đích thương mại: 16 ngày làm việc (<i>Không bao gồm thời gian thẩm định hồ sơ của ban thư ký CITES</i>).								
2	Cấp sửa đổi, bổ sung thông tin mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES 3.000496.H21	- Trường hợp 1: 03 ngày làm việc; - Trường hợp 2: Cần kiểm tra thực tế: 15 ngày làm việc; - Trường hợp 3: + Cần tham vấn Cơ quan khoa học	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	Có	Một phần	- Tên TTHC; - Trình tự thực hiện; - Thời gian thực hiện TTHC; - Mẫu đơn, tờ khai; - Căn cứ pháp lý	-	- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH 14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH 15, Luật số 31/2024/QH 15 và Luật số 146/2025/Q H15. - Nghị định số	-	x

STT	Tên TTHC /Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
		CITES Việt Nam: 10 ngày làm việc; + Cần tham vấn Cơ quan khoa học CITES Việt Nam đồng thời cần kiểm tra thực tế: 15 ngày làm việc; - Trường hợp 4: Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục I CITES để xuất khẩu vì mục đích thương mại: 16 ngày làm						35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ; - Điều 26 Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.		

STT	Tên TTHC /Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
		việc (Không bao gồm thời gian thẩm định hồ sơ của ban thư ký CITES).								
Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học (04 TTHC)										
3	Phê duyệt Phương án khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên 1.008672.H21	11 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	Có	Toàn trình	- Tên TTHC; - Thời gian thực hiện TTHC; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý	-	- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH 12, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH 14 và Luật số 146/2025/Q H15; - Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH 14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số	Cấp tỉnh	x

STT	Tên TTHC /Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
								16/2023/QH 15, Luật số 31/2024/QH 15 và Luật số 146/2025/Q H15. - Nghị định số 35/2025/NĐ- CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ; - Điều 10 Thông tư số 85/2025/TT- BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp		
4	Thả động vật nuôi sinh sản tại cơ sở nuôi,	16 ngày làm việc kể từ ngày nhận	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung	Có	Một phần	- Tên TTHC; - Mẫu	-	- Luật Đa dạng sinh học số	-	x

STT	Tên TTHC /Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học về môi trường tự nhiên 1.014022.H21	được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.			đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý		20/2008/QH 12, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH 14 và Luật số 146/2025/Q H15; - Nghị định số 35/2025/NĐ- CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ; - Điều 11 Thông tư số 85/2025/TT- BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi		

STT	Tên TTHC /Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
								trường		
5	Cấp giấy phép trao đổi, tặng cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ 1.008675.H21	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Công Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	Có	Toàn trình	- Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý	-	- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH 12, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH 14 và Luật số 146/2025/Q H15; - Nghị định số 35/2025/NĐ- CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ; - Điều 13 Thông tư số 85/2025/TT- BNNMT ngày 31/12/2025	-	x

STT	Tên TTHC /Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
								của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường		
6	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học 1.008682.H21	27 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	Có	Toàn trình	- Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý	-	- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH 12, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH 14 và Luật số 146/2025/Q H15; - Nghị định số 35/2025/NĐ- CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ; - Điều 21 Thông tư số	Cấp tỉnh	x

STT	Tên TTHC /Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
								85/2025/TT- BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường		
Tổng cộng 10 TTHC										

III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ (02 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính /Mã số thủ tục hành chính	Mức độ DVC trực tuyến	Cấp thực hiện	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
Thủ tục hành chính công bố tại Quyết định số 01/QĐ-BNNMT ngày 02/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường					
Lĩnh vực Lâm nghiệp (01 TTHC)					
1	Cấp lại giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp do bị mất, bị hỏng 3.000180.H21	Toàn trình	Cấp tỉnh	Khoản 8 Điều 9 Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	-
II. Thủ tục hành chính công bố tại Quyết định số 04/QĐ-BNNMT ngày 05/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường					
Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học (01 TTHC)					
2	Thu hồi giấy chứng nhận cơ	Một phần	Cấp tỉnh	Thông tư số 85/2025/TT BNNMT	Quyết định số

	sở bảo tồn đa dạng sinh học trong trường hợp cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học đề nghị thu hồi giấy chứng nhận			ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	678/QĐ UBND ngày 13/7/2025
	1.014021.H21				
	Tổng cộng: 02 TTHC				
